

KẾ HOẠCH

Tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 679 /QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Việc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, góp phần hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc trung ương theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

2. Triển khai, phân công trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, nhất là người đứng đầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, gắn với lộ trình phù hợp, đề tập trung chỉ đạo, đạt kết quả cao nhất.

II. Mục tiêu

Giai đoạn 2021-2025, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 7,8-9,0%/năm, trong đó GRDP theo ngành kinh tế tăng 8,2-9,4%/năm; cụ thể: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,3-3,0%/năm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,8-10,8%/năm; khu vực dịch vụ tăng 8,3-9,8%/năm.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa, thúc đẩy phục hồi, phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Trọng tâm là tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; các Nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XVIII về 04 chương trình kinh tế - xã hội, về phát triển Khu kinh tế Vân Phong giai đoạn 2021 - 2025.

2. Hoàn thành và tổ chức triển khai có hiệu quả các quy hoạch quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040; Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cam Ranh đến năm 2035; Điều chỉnh Quy

hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung khu đô thị mới Cam Lâm và các Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh và tiến tới phủ kín quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch phân khu đô thị trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố phù hợp với các Quy hoạch được phê duyệt.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung phát triển các nhóm ngành quan trọng, mang lại giá trị đóng góp cao cho nền kinh tế, cụ thể:

- Hiện đại hóa các ngành dịch vụ, phát triển du lịch chất lượng cao và phù hợp với bối cảnh hậu COVID-19. Phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch mới, cao cấp, độc đáo; đồng thời đa dạng hóa thị trường khách du lịch, giảm tình trạng phụ thuộc vào một số ít thị trường, hướng mạnh đến thị trường khách du lịch nội địa và các thị trường khách du lịch quốc tế có khả năng chi trả cao tại châu Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore,...), châu Âu, châu Úc (Úc, New Zealand,...) và châu Mỹ (Mỹ, Canada,...) và tiếp tục khai thác thị trường tiềm năng Ấn Độ. Phát triển dịch vụ cảng biển, vận tải biển và logistics gắn với phát triển hạ tầng cảng biển và giao thông; xây dựng các trung tâm nghiên cứu, giáo dục tiên tiến và phát triển đô thị thông minh.

- Phát triển hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp và thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thúc đẩy phát triển công nghiệp. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, công nghệ thông tin: Thu hút các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, không thâm dụng lao động, số hóa quy trình. Kêu gọi đầu tư dự án kho chứa khí hóa lỏng (LNG) và các dự án điện gió, điện mặt trời. Chuẩn bị nguồn nhân lực và hạ tầng để thực hiện chuyển đổi số và tham gia hiệu quả vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế số.

- Nâng cao hiệu quả phát triển ngành nông nghiệp, phát triển mạnh ngành khai thác thủy sản gắn với Trung tâm nghề cá lớn và ngành nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tập trung vào các mặt hàng có giá trị kinh tế cao, xuất khẩu. Tăng cường năng lực nghiên cứu nhằm quản lý tốt lĩnh vực thủy sản, phòng tránh rủi ro dịch bệnh, ô nhiễm...

- Rà soát đối với khu vực huyện đảo Trường Sa và các khu vực kinh tế phi chính thức để tính toán, bổ sung vào năng lực sản xuất của nền kinh tế.

4. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng:

- Tổ chức rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; kiên quyết thực hiện việc cắt giảm các dự án chưa cấp bách, chưa thật sự cần thiết và

các dự án không còn phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển tỉnh Khánh Hòa để điều chuyển và tập trung vốn thực hiện các dự án trọng điểm; cơ cấu lại đầu tư công theo hướng đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, không manh mún, dàn trải. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tập trung chỉ đạo đôn đốc, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm của quốc gia, của tỉnh bảo đảm chất lượng và tiến độ quy định, nhất là công tác giải phóng mặt bằng để phục vụ thi công Dự án đường bộ cao tốc Vân Phong - Nha Trang và cao tốc Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa, các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số dự án hạ tầng quan trọng khác như: Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang; Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang; Đường giao thông ngoài cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong; Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang;... Phê duyệt và triển khai đầu tư danh mục các dự án đầu tư công trọng điểm đưa vào kế hoạch đầu tư công (bổ sung) giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 để phát triển hạ tầng đồng bộ theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với một số dự án tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo nguồn thu mới như Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, Cảng tổng hợp Nam Vân Phong và Bắc Vân Phong, KCN Ninh Thủy; các Cụm công nghiệp như Diên Thọ, Trảng É 2, Ninh Xuân,... Sớm hoàn thành thủ tục đầu tư dự án KCN Dốc Đá Trắng; tích cực xúc tiến đầu tư hạ tầng các KCN Nam Cam Ranh, KCN Vạn Lương, KCN Ninh Sơn, các dự án thuộc danh mục trọng điểm kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh và các dự án ưu tiên thu hút đầu tư vào KKT Vân Phong giai đoạn đến năm 2025 theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Các nhiệm vụ đột phá

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để tăng cường thu hút đầu tư, huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Nâng cao chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Cải cách hành chính. Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch với cơ cấu tổ chức và nhân sự phù hợp, có đủ năng lực triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư theo định hướng phát triển của tỉnh.

2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong những ngành quan trọng như du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics, cảng biển, thủy sản và hậu cần nghề cá, công nghệ thông tin. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế biển. Thúc

đẩy đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp sáng tạo. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi ngành, lĩnh vực, phát triển các ứng dụng thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp và du khách.

3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp và hạ tầng du lịch. Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương hoàn thành các tuyến đường cao tốc, nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ kết nối liên tỉnh, liên vùng. Tăng cường hạ tầng kết nối giữa khu vực nội địa và ven biển, giữa các trung tâm sản xuất với các cửa ngõ xuất khẩu, kết nối các khu vực phát triển du lịch quan trọng của tỉnh. Phát triển hệ thống cảng biển hiện đại phục vụ cung cấp dịch vụ hậu cần cảng biển, logistics cho cả khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Đầu tư hạ tầng đô thị đồng bộ tại Nha Trang, Cam Ranh, Cam Lâm, Diên Khánh và Khu kinh tế Vân Phong. Xây dựng hạ tầng các KCN, CCN làm tiền đề thu hút các dự án sản xuất công nghiệp chất lượng cao. Đầu tư hạ tầng du lịch hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển các sản phẩm du lịch cao cấp.

4. Tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên cơ sở tăng cường liên kết, bao gồm liên kết nội tỉnh và liên kết vùng. Chủ động lập và triển khai các chương trình, kế hoạch liên kết, hợp tác với các địa phương khác trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nhất là về du lịch (kết nối tuyến điểm du lịch, sản phẩm du lịch liên vùng mang tính cạnh tranh cao...), thủy sản (cung cấp giống thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá), vận tải, logistics (tiếp nhận và phân phối hàng hóa, máy móc, nguyên vật liệu), đào tạo (đào tạo nhân lực các ngành kinh tế biển), y tế (cung cấp các dịch vụ y tế chuyên sâu), công nghiệp chế biến, chế tạo (kết nối vùng nguyên liệu, xúc tiến thu hút các dự án đầu tư). Đổi mới tổ chức các ngành kinh tế theo hướng tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp, nâng cao vai trò tập hợp, điều phối của các tổ chức hiệp hội và vai trò định hướng, hỗ trợ, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp của các cơ quan chính quyền.

5. Tập trung phát triển các khu vực tạo động lực phát triển kinh tế:

- Khu kinh tế Vân Phong: Phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng biển, logistics; trong đó, tập trung hình thành và phát triển các cảng hàng hóa tại Nam Vân Phong để phục vụ cho cả khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ, phát triển các khu công nghiệp, ngành công nghiệp năng lượng; phát triển Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch đẳng cấp quốc tế.

- Phát triển khu vực Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế. Phát triển trung tâm logistics tại khu vực gần cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, kết nối đồng bộ giữa đường hàng không, cảng biển, đường bộ, đường sắt.

(Đính kèm Phụ lục phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị)

IV. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch này để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm quản lý của ngành, lĩnh vực, địa phương và các nội dung công việc được phân công chủ trì thực hiện theo Phụ lục đính kèm Kế hoạch này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt để triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và quá trình thực hiện kế hoạch để có giải pháp xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để xem xét, quyết định.

Định kỳ vào ngày 30 tháng 12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này báo cáo kết quả về UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp; các cơ quan phối hợp báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chủ trì trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện./.

PHỤ LỤC 1

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 679 /QĐ-UBND ngày 24 /3 /2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. KỊCH BẢN 1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP- giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	52.859,0	47.558,5	45.157,7	95,0	54.505,2	120,7	59.230,6	108,7	64.029,8	108,1	69.455,9	108,2	107,8	
-	Chia theo ngành kinh tế		47.372,8	42.386,2	40.197,8	94,8	49.075,0	122,1	53.404,0	108,8	57.806,8	108,2	62.810,9	108,7	108,2	
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	5.322,5	5.135,4	5.374,7	104,7	5.508,5	102,5	5.607,6	101,8	5.680,5	101,3	5.765,7	101,5	102,3	
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	14.202,7	14.869,7	14.298,9	96,2	17.817,8	124,6	19.653,1	110,3	21.562,6	109,7	23.761,3	110,2	109,8	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10.321,1</i>	<i>10.299,9</i>	<i>9.634,5</i>	<i>93,5</i>	<i>11.685,7</i>	<i>121,3</i>	<i>12.678,9</i>	<i>108,5</i>	<i>13.667,9</i>	<i>107,8</i>	<i>14.761,3</i>	<i>108,0</i>	<i>107,5</i>	
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	27.847,5	22.381,1	20.524,2	91,7	25.748,7	125,5	28.143,4	109,3	30.563,7	108,6	33.283,9	108,9	108,3	
-	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	5.486,2	5.172,3	4.959,9	95,9	5.430,1	109,5	5.826,5	107,3	6.223,0	106,8	6.645,0	106,8	105,1	
*	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	108,5	90,0	95,0		120,7		108,7		108,1		108,5		107,8	7,1%/năm.
2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	86.746,3	79.842,2	78.076,5		95.974,0		106.939,7		120.106,4		135.366,0			
*	<i>Theo khu vực kinh tế</i>															
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	9.307,9	9.369,6	10.077,0		10.745,8		11.155,6		11.682,5		12.263,7			
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	23.018,9	24.008,6	24.112,2		31.082,0		34.156,7		40.030,8		47.079,3			
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17.214,4</i>	<i>17.131,0</i>	<i>16.613,4</i>		<i>20.509,1</i>		<i>21.702,1</i>		<i>25.381,2</i>		<i>29.433,7</i>			
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	45.499,5	37.930,1	35.388,4		44.662,4		51.153,1		57.371,2		64.157,7			
	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	8.920,1	8.533,9	8.498,9		9.483,8		10.474,3		11.021,9		11.865,3			
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>															
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	15.226,1	14.981,7	14.810,8											
-	Xây dựng	Tỷ đồng	5.804,4	6.877,6	7.498,8											
-	Bán buôn, bán lẻ	Tỷ đồng	8.375,4	8.452,2	7.084,2											
-	Thông tin và truyền thông	Tỷ đồng	2.444,9	2.446,9	2.458,9											
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	Tỷ đồng	2.888,7	3.061,3	3.352,1											
-	Giáo dục và đào tạo	Tỷ đồng	3.599,2	3.928,9	4.104,0											

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Vận tải, kho bãi	Tỷ đồng	4.274,2	3.468,9	3.108,6											
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	Tỷ đồng	2.221,1	2.472,3	2.518,7											
-	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	Tỷ đồng	2.118,2	1.945,2	1.548,4											
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	Tỷ đồng	1.641,7	1.739,3	1.845,7											
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	9.378,6	4.190,3	2.872,3											
-	Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	3.988,6	2.928,7	2.924,3											
3	Cơ cấu GRDP															
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	10,7	11,7	12,9		11,2		10,4		9,7		9,1			
-	Công nghiệp và xây dựng	%	26,5	30,1	30,9		32,4		31,9		33,3		34,8			
-	Dịch vụ	%	52,5	47,5	45,3		46,5		47,8		47,8		47,4			
-	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10,3	10,7	10,9		9,9		9,8		9,2		8,8			
*	Theo ngành kinh tế															
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	17,6	18,8	19,0											
-	Xây dựng	%	6,7	8,6	9,6											
-	Bán buôn, bán lẻ	%	9,7	10,6	9,1											
-	Thông tin và truyền thông	%	2,8	3,1	3,1											
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	%	3,3	3,8	4,3											
-	Giáo dục và đào tạo	%	4,1	4,9	5,3											
-	Vận tải, kho bãi	%	4,9	4,3	4,0											
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	%	2,6	3,1	3,2											
-	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	%	2,4	2,4	2,0											
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	1,9	2,2	2,4											

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	%	10,8	5,2	3,7											
-	Kinh doanh bất động sản	%	4,6	3,7	3,7											
4	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu															
-	Điện sản xuất	Tr.kwh	463,0	522,0	574,0	110,0	732,3	127,6	1.800,0	245,8	3.000,0	166,7	4.000,0	133,3		
-	Bia các loại	Nghìn lít	64.049,0	47.072,0	53.484,0	113,6	56.000,0	104,7	58.000,0	103,6	63.000,0	108,6	67.500,0	107,1		
-	Đường các loại	Nghìn tấn	112,9	115,2	97,8	84,9	135,0	138,0	141,0	104,4	144,0	102,1	147,0	102,1		
-	Nước yến	Nghìn lít	72.347,0	73.785,0	61.007,8	82,7	71.821,6	117,7	80.000,0	111,4	86.000,0	107,5	93.000,0	108,1		
-	Thuốc lá điếu	Triệu bao	737,0	843,0	781,0	92,6	893,3	114,4	912,0	102,1	920,0	100,9	935,0	101,6		
-	Thủy sản đông lạnh	Nghìn tấn	87,3	82,4	93,1	113,0	98,9	106,2	100,0	101,1	105,0	105,0	110,0	104,8		
-	Tàu biển	Triệu USD	440,0	453,0	330,0	72,8	481,0	145,8	550,0	114,3	555,0	100,9	580,0	104,5		
5	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	70,36	64,37	62,56	97,19	76,54	122,3	84,86	110,9	94,83	111,7	106,33	112,1		Năm 2025 đạt 104 triệu đồng/người.
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	97.791,8	62.280,3	55.141,5	88,54	85.231,9	154,6	96.312,0	113,0	107.870,0	112,0	120.815,0	112,0	114,2	
7	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	27.130,7	5.087,4	2.407,3	47,32	13.976,7	580,6	21.000,0	150,3	25.000,0	119,0	29.000,0	116,0		
8	Tổng số lượt khách du lịch	Nghìn người	7.000,1	1.247,8	600,1	48,09	2.587,4	431,2	4.000,0	154,6	5.000,0	125,0	7.000,0	140,0		
-	<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn người</i>	<i>3.560,2</i>	<i>437,6</i>	<i>24,7</i>	<i>5,64</i>	<i>296,6</i>	<i>1.201,0</i>	<i>1.500,0</i>	<i>505,7</i>	<i>2.500,0</i>	<i>166,7</i>	<i>3.700,0</i>	<i>148,0</i>		
9	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	1.490,0	1.342,9	1.302,2	96,97	1.600,0	122,9	1.750,0	109,4	1.870,0	106,9	2.000,0	107,0	Năm 2025 đạt 2.000 TrUSD	Năm 2025 đạt 2.000 TrUSD
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	46.202,0	50.820,0	53.892,8		61.982,4		71.300,0		80.569,0		91.043,0		358.787,2	>354 nghìn tỷ đồng
*	<i>Tốc độ tăng bình quân hàng năm</i>	%	<i>112,11</i>	<i>110,0</i>	<i>106,05</i>		<i>115,0</i>		<i>115,0</i>		<i>113,0</i>		<i>113,0</i>		<i>112,4</i>	<i>>12%/năm</i>
11	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP theo giá hiện hành	%	53,3		69,0		64,6		66,7		67,1		67,3		55-60%/năm	
12	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng														
a	Theo nguồn thu		19.074,2	13.824,6	14.076,6	101,8	16.499,7	117,2	15.445,0	93,6	19.161,0	124,1	26.280,5	137,2		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	15.708,7	11.694,6	11.992,3	102,5	12.903,1	107,6	13.460,0	104,3	18.170,0	135,0	25.255,5	139,0	Năm 2025 gấp 2,2 lần so với năm 2020	Năm 2025 gấp 2,2 lần năm 2020
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	3.365,5	2.130,0	2.084,3	97,9	3.596,6	172,6	1.985,0	55,2	991,0	49,9	1.025,0	103,4		
b	Theo thành phần kinh tế															
-	Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng	622,0	509,8	496,7	97,4	427,7	86,1	500,0	116,9	675,0	135,0	938,3	139,0		
-	Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	3.134,1	2.737,5	2.961,1	108,2	3.287,5	111,0	3.260,0	99,2	4.401,0	135,0	6.117,3	139,0		
-	Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	4.375,5	2.781,0	2.762,1	99,3	3.172,6	114,9	3.389,0	106,8	4.575,0	135,0	6.359,2	139,0		
-	Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	896,0	822,5	1.045,0	127,1	898,3	86,0	1.080,0	120,2	1.458,0	135,0	2.026,6	139,0		

B. KỊCH BẢN 2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP- giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	52.859,0	47.558,5	45.157,7	95,0	54.505,2	120,7	59.570,4	109,3	65.246,8	109,5	71.678,9	109,9	108,6	
-	Chia theo ngành kinh tế		47.372,8	42.386,2	40.197,8	94,8	49.075,0	122,1	53.743,8	109,5	59.012,4	109,8	65.008,1	110,2	108,9	
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	5.322,5	5.135,4	5.374,7	104,7	5.508,5	102,5	5.618,7	102,0	5.719,8	101,8	5.825,6	101,9	102,6	
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	14.202,7	14.869,7	14.298,9	96,2	17.817,8	124,6	19.724,3	110,7	21.881,3	110,9	24.371,2	111,4	110,4	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10.321,1</i>	<i>10.299,9</i>	<i>9.634,5</i>	<i>93,5</i>	<i>11.685,7</i>	<i>121,3</i>	<i>12.725,7</i>	<i>108,9</i>	<i>13.832,8</i>	<i>108,7</i>	<i>14.994,8</i>	<i>108,4</i>	<i>107,8</i>	
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	27.847,5	22.381,1	20.524,2	91,7	25.748,7	125,5	28.400,8	110,3	31.411,3	110,6	34.811,3	110,8	109,2	
	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	5.486,2	5.172,3	4.959,9	95,9	5.430,1	109,5	5.826,5	107,3	6.234,4	107,0	6.670,8	107,0	105,2	
*	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	108,5	90,0	95,0		120,7		109,3		109,5		109,9		108,6	7,1%/năm.
2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	86.746,3	79.842,2	78.076,5		95.974,0		107.640,2		122.557,6		139.905,0			
*	<i>Theo khu vực kinh tế</i>															
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	9.307,9	9.369,6	10.077,0		10.745,8		11.265,8		11.902,4		12.595,5			
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	23.018,9	24.008,6	24.112,2		31.082,0		34.266,8		40.615,0		48.284,7			
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17.214,4</i>	<i>17.131,0</i>	<i>16.613,4</i>		<i>20.509,1</i>		<i>21.758,3</i>		<i>25.628,9</i>		<i>29.748,4</i>			
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	45.499,5	37.930,1	35.388,4		44.662,4		51.599,1		58.951,4		67.059,4			
	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	8.920,1	8.533,9	8.498,9		9.483,8		10.508,5		11.088,9		11.965,3			
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>															
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	15.226,1	14.981,7	14.810,8											
-	Xây dựng	Tỷ đồng	5.804,4	6.877,6	7.498,8											
-	Bán buôn, bán lẻ	Tỷ đồng	8.375,4	8.452,2	7.084,2											
-	Thông tin và truyền thông	Tỷ đồng	2.444,9	2.446,9	2.458,9											
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	Tỷ đồng	2.888,7	3.061,3	3.352,1											
-	Giáo dục và đào tạo	Tỷ đồng	3.599,2	3.928,9	4.104,0											
-	Vận tải, kho bãi	Tỷ đồng	4.274,2	3.468,9	3.108,6											

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)			
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	Tỷ đồng	2.221,1	2.472,3	2.518,7												
-	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	Tỷ đồng	2.118,2	1.945,2	1.548,4												
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	Tỷ đồng	1.641,7	1.739,3	1.845,7												
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	9.378,6	4.190,3	2.872,3												
-	Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	3.988,6	2.928,7	2.924,3												
3	Cơ cấu GRDP																
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	10,7	11,7	12,9			11,2									
-	Công nghiệp và xây dựng	%	26,5	30,1	30,9			32,4									
-	Dịch vụ	%	52,5	47,5	45,3			46,5									
-	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10,3	10,7	10,9			9,9									
*	Theo ngành kinh tế																
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	17,6	18,8	19,0												
-	Xây dựng	%	6,7	8,6	9,6												
-	Bán buôn, bán lẻ	%	9,7	10,6	9,1												
-	Thông tin và truyền thông	%	2,8	3,1	3,1												
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	%	3,3	3,8	4,3												
-	Giáo dục và đào tạo	%	4,1	4,9	5,3												
-	Vận tải, kho bãi	%	4,9	4,3	4,0												
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	%	2,6	3,1	3,2												
-	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	%	2,4	2,4	2,0												
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	1,9	2,2	2,4												
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	%	10,8	5,2	3,7												

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Kinh doanh bất động sản	%	4,6	3,7	3,7											
4	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu															
	- Điện sản xuất	Tr.kwh	463,0	522,0	574,0	110,0	732,3	127,6	2.000,0	273,1	4.500,0	225,0	5.000,0	111,1		
	- Bia các loại	Nghìn lít	64.049,0	47.072,0	53.484,0	113,6	56.000,0	104,7	58.070,0	103,7	63.200,0	108,8	67.700,0	107,1		
	- Đường các loại	Nghìn tấn	112,9	115,2	97,8	84,9	135,0	138,0	141,0	104,4	144,0	102,1	147,0	102,1		
	- Nước yến	Nghìn lít	72.347,0	73.785,0	61.007,8	82,7	71.821,6	117,7	80.500,0	112,1	86.500,0	107,5	93.500,0	108,1		
	- Thuốc lá điếu	Triệu bao	737,0	843,0	781,0	92,6	893,3	114,4	912,0	102,1	930,0	102,0	950,0	102,2		
	- Thủy sản đông lạnh	Nghìn tấn	87,3	82,4	93,1	113,0	98,9	106,2	105,0	106,2	108,0	102,9	115,0	106,5		
	- Tàu biển	Triệu USD	440,0	453,0	330,0	72,8	481,0	145,8	550,0	114,3	560,0	101,8	592,0	105,7		
5	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	70,36	64,37	62,56	97,19	76,54	122,3	85,42	111,6	96,77	113,3	109,89	113,6		Năm 2025 đạt 104 triệu đồng/người.
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	97.791,8	62.280,3	55.141,5	88,54	85.231,9	154,6	98.016,7	115,0	113.601,3	115,9	130.641,5	115,0	116,0	
7	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	27.130,7	5.087,4	2.407,3	47,32	13.976,7	580,6	21.600,0	154,5	25.500,0	118,1	29.500,0	115,7		
8	Tổng số lượt khách du lịch	Nghìn người	7.000,1	1.247,8	600,1	48,09	2.587,4	431,2	4.100,0	158,5	5.100,0	124,4	7.100,0	139,2		
-	<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn người</i>	<i>3.560,2</i>	<i>437,6</i>	<i>24,7</i>	<i>5,64</i>	<i>296,6</i>	<i>1.201,0</i>	<i>1.550,0</i>	<i>522,6</i>	<i>2.550,0</i>	<i>164,5</i>	<i>3.750,0</i>	<i>147,1</i>		
9	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	1.490,0	1.342,9	1.302,2	96,97	1.600,0	122,9	1.810,0	113,1	1.950,0	107,7	2.200,0	112,8	Năm 2025 đạt 2.200 TrUSD	Năm 2025 đạt 2.000 TrUSD
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	46.202,0	50.820,0	53.892,8		61.982,4		71.300,0		81.282,0		93.067,9	361.525,1	>354 nghìn tỷ đồng	
*	<i>Tốc độ tăng bình quân hàng năm</i>	<i>%</i>	<i>112,11</i>	<i>110,0</i>	<i>106,05</i>		<i>115,0</i>		<i>115,0</i>		<i>114,0</i>		<i>114,5</i>	<i>112,9</i>	<i>>12%/năm</i>	
11	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP theo giá hiện hành	%	53,3		69,0		64,6							55-60%/năm		
12	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng														
a	Theo nguồn thu		19.074,2	13.824,6	14.076,6	101,8	16.499,7	117,2	15.445,0	98,4	19.161,0	124,1	26.280,5	137,2		
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	15.708,7	11.694,6	11.992,3	102,5	12.903,1	107,6	13.460,0	106,0	18.170,0	135,0	25.255,5	139,0	Năm 2025 gấp 2,2 lần so với năm 2020	Năm 2025 gấp 2,2 lần năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	3.365,5	2.130,0	2.084,3	97,9	3.596,6	159,1	1.985,0	66,2	991,0	49,9	1.025,0	103,4		
b	Theo thành phần kinh tế															
-	Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng	622,0	509,8	496,7	97,4	427,7	86,6	500,0	116,3	675,0	135,0	938,3	139,0		
-	Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	3.134,1	2.737,5	2.961,1	108,2	3.287,5	104,5	3.260,0	105,4	4.401,0	135,0	6.117,3	139,0		
-	Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	4.375,5	2.781,0	2.762,1	99,3	3.172,6	112,8	3.389,0	108,8	4.575,0	135,0	6.359,2	139,0		
-	Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	896,0	822,5	1.045,0	127,1	898,3	91,9	1.080,0	112,5	1.458,0	135,0	2.026,6	139,0		

C. KỊCH BẢN 3

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tính (GRDP- giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	52.859,0	47.558,5	45.157,7	95,0	54.505,2	120,7	60.043,9	110,2	66.189,2	110,2	73.176,4	110,6	109,0	
-	Chia theo ngành kinh tế		47.372,8	42.386,2	40.197,8	94,8	49.075,0	122,1	54.179,3	110,4	59.884,8	110,5	66.399,2	110,9	109,4	
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	5.322,5	5.135,4	5.374,7	104,7	5.508,5	102,5	5.646,2	102,5	5.787,3	102,5	5.941,3	102,7	103,0	
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	14.202,7	14.869,7	14.298,9	96,2	17.817,8	124,6	19.849,1	111,4	22.114,7	111,4	24.797,1	112,1	110,8	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10.321,1</i>	<i>10.299,9</i>	<i>9.634,5</i>	<i>93,5</i>	<i>11.685,7</i>	<i>121,3</i>	<i>12.819,2</i>	<i>109,7</i>	<i>13.960,1</i>	<i>108,9</i>	<i>15.174,6</i>	<i>108,7</i>	<i>108,1</i>	
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	27.847,5	22.381,1	20.524,2	91,7	25.748,7	125,5	28.684,1	111,4	31.982,7	111,5	35.660,8	111,5	109,8	
-	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	5.486,2	5.172,3	4.959,9	95,9	5.430,1	109,5	5.864,5	108,0	6.304,4	107,5	6.777,2	107,5	105,6	
*	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	108,5	90,0	95,0		120,7		110,2		110,2		110,6		109,0	7,1%/năm.
2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	86.746,3	79.842,2	78.076,5		95.974,0		108.434,6		124.320,5		143.105,0			
*	<i>Theo khu vực kinh tế</i>															
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	9.307,9	9.369,6	10.077,0		10.745,8		11.363,1		12.040,7		12.791,7			
	+ Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	23.018,9	24.008,6	24.112,2		31.082,0		34.454,9		41.059,4		49.303,7			
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>17.214,4</i>	<i>17.131,0</i>	<i>16.613,4</i>		<i>20.509,1</i>		<i>21.889,3</i>		<i>25.912,9</i>		<i>30.245,3</i>			
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	45.499,5	37.930,1	35.388,4		44.662,4		52.067,1		60.062,3		68.941,5			
	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Tỷ đồng	8.920,1	8.533,9	8.498,9		9.483,8		10.549,5		11.158,1		12.068,1			
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>															
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	15.226,1	14.981,7	14.810,8											
-	Xây dựng	Tỷ đồng	5.804,4	6.877,6	7.498,8											
-	Bán buôn, bán lẻ	Tỷ đồng	8.375,4	8.452,2	7.084,2											
-	Thông tin và truyền thông	Tỷ đồng	2.444,9	2.446,9	2.458,9											
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	Tỷ đồng	2.888,7	3.061,3	3.352,1											
-	Giáo dục và đào tạo	Tỷ đồng	3.599,2	3.928,9	4.104,0											
-	Vận tải, kho bãi	Tỷ đồng	4.274,2	3.468,9	3.108,6											
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	Tỷ đồng	2.221,1	2.472,3	2.518,7											

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	Tỷ đồng	2.118,2	1.945,2	1.548,4											
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	Tỷ đồng	1.641,7	1.739,3	1.845,7											
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	9.378,6	4.190,3	2.872,3											
-	Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	3.988,6	2.928,7	2.924,3											
3	Cơ cấu GRDP															
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	10,7	11,7	12,9		11,2									
-	Công nghiệp và xây dựng	%	26,5	30,1	30,9		32,4									
-	Dịch vụ	%	52,5	47,5	45,3		46,5									
-	Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10,3	10,7	10,9		9,9									
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>															
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	17,6	18,8	19,0											
-	Xây dựng	%	6,7	8,6	9,6											
-	Bán buôn, bán lẻ	%	9,7	10,6	9,1											
-	Thông tin và truyền thông	%	2,8	3,1	3,1											
-	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	%	3,3	3,8	4,3											
-	Giáo dục và đào tạo	%	4,1	4,9	5,3											
-	Vận tải, kho bãi	%	4,9	4,3	4,0											
-	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội	%	2,6	3,1	3,2											
-	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	%	2,4	2,4	2,0											
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	1,9	2,2	2,4											
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	%	10,8	5,2	3,7											
-	Kinh doanh bất động sản	%	4,6	3,7	3,7											

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
4	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu															
	- Điện sản xuất	Tr.kwh	463,0	522,0	574,0	110,0	732,3	127,6	2.500,0	341,4	6.000,0	240,0	7.000,0	116,7		
	- Bia các loại	Nghìn lít	64.049,0	47.072,0	53.484,0	113,6	56.000,0	104,7	58.500,0	104,5	64.200,0	109,7	68.300,0	106,4		
	- Đường các loại	Nghìn tấn	112,9	115,2	97,8	84,9	135,0	138,0	141,0	104,4	145,0	102,8	150,0	103,4		
	- Nước yến	Nghìn lít	72.347,0	73.785,0	61.007,8	82,7	71.821,6	117,7	81.000,0	112,8	86.700,0	107,0	94.000,0	108,4		
	- Thuốc lá điều	Triệu bao	737,0	843,0	781,0	92,6	893,3	114,4	915,0	102,4	940,0	102,7	970,0	103,2		
	- Thủy sản đông lạnh	Nghìn tấn	87,3	82,4	93,1	113,0	98,9	106,2	107,0	109,0	111,0	103,7	120,0	108,1		
	- Tàu biển	Triệu USD	440,0	453,0	330,0	72,8	481,0	145,8	550,0	114,3	580,0	105,5	620,0	106,9		
5	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	70,36	64,37	62,56	97,19	76,54	122,3	86,05	112,4	98,16	114,1	112,40	114,5		Năm 2025 đạt 104 triệu đồng/người.
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	97.791,8	62.280,3	55.141,5	88,54	85.231,9	154,6	97.500,0	114,4	114.000,0	116,9	133.000,0	116,7	116,4	
7	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	27.130,7	5.087,4	2.407,3	47,32	13.976,7	580,6	22.500,0	161,0	26.200,0	116,4	30.000,0	114,5		
8	Tổng số lượt khách du lịch	Nghìn người	7.000,1	1.247,8	600,1	48,09	2.587,4	431,2	4.200,0	162,3	5.200,0	123,8	7.200,0	138,5		
	- Trong đó: Khách quốc tế	Nghìn người	3.560,2	437,6	24,7	5,64	296,6	1.201,0	1.600,0	539,4	2.600,0	162,5	3.800,0	146,2		
9	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	1.490,0	1.342,9	1.302,2	96,97	1.600,0	122,9	1.850,0	115,6	1.980,0	107,0	2.350,0	118,7	Năm 2025 đạt 2.350 TrUSD	Năm 2025 đạt 2.000 TrUSD
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	46.202,0	50.820,0	53.892,8		61.982,4		71.300,0		81.995,0		94.294,3		363.464,5	>354 nghìn tỷ đồng
*	Tốc độ tăng bình quân hàng năm	%	112,11	110,0	106,05		115,0		115,0		115,0		115,0		113,2	>12%/năm
11	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP theo giá hiện hành	%	53,3		69,0		64,6		65,8		66,0		65,9		55-60%/năm	
12	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng														
a	Theo nguồn thu		19.074,2	13.824,6	14.076,6	101,8	16.499,7	117,2	15.445,0	98,4	19.161,0	124,1	26.280,5	137,2		
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	15.708,7	11.694,6	11.992,3	102,5	12.903,1	107,6	13.460,0	106,0	18.170,0	135,0	25.255,5	139,0	Năm 2025 gấp 2,2 lần so với năm 2020	Năm 2025 gấp 2,2 lần năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021-2025										Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025
					Năm 2021	TH 2021/TH 2020 (%)	Năm 2022	Ước 2022/TH 2021 (%)	Năm 2023	Ước 2023/TH 2022 (%)	Năm 2024	Ước 2024/TH 2023 (%)	Năm 2025	Ước 2025/TH 2024 (%)		
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	3.365,5	2.130,0	2.084,3	97,9	3.596,6	172,6	1.985,0	66,2	991,0	49,9	1.025,0	103,4		
b	Theo thành phần kinh tế															
-	Thu từ kinh tế Trung ương	Tỷ đồng	622,0	509,8	496,7	97,4	427,7	86,1	500,0	116,3	675,0	135,0	938,3	139,0		
-	Thu quốc doanh địa phương	Tỷ đồng	3.134,1	2.737,5	2.961,1	108,2	3.287,5	111,0	3.260,0	105,4	4.401,0	135,0	6.117,3	139,0		
-	Thu ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	4.375,5	2.781,0	2.762,1	99,3	3.172,6	114,9	3.389,0	108,8	4.575,0	135,0	6.359,2	139,0		
-	Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	896,0	822,5	1.045,0	127,1	898,3	86,0	1.080,0	112,5	1.458,0	135,0	2.026,6	139,0		

PHỤ LỤC 2
NHIỆM VỤ HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 24 / 3 /2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
1	Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất chỉ tiêu về tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021-2025.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất chỉ tiêu về sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm, thủy sản cao nhất giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất chỉ tiêu về du lịch giai đoạn 2021-2025.	Sở Du lịch	Các ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đầu tư đang triển khai thi công trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao năng lực sản xuất cho các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, đóng góp vào tăng trưởng GRDP của tỉnh (Chi tiết các dự án theo Phụ lục 4).	Sở Kế hoạch và Đầu tư; BQL KKT Vân Phong; Sở Công thương; các chủ đầu tư	UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư ; chú trọng thu hút nguồn vốn FDI chất lượng cao . Ban hành danh mục và tổ chức kêu gọi đầu tư có hiệu quả các dự án trọng điểm ngoài ngân sách tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 và danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết số 55/2022/QH1 của Quốc hội (Chi tiết danh mục các dự án theo các Phụ lục 5, 6).	Sở Kế hoạch và Đầu tư; BQL KKT Vân Phong	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành cao nhất chỉ tiêu về thu ngân sách giai đoạn 2021-2025.	Sở Tài chính	Cục thuế tỉnh; Cục Hải quan tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
A	Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa, thúc đẩy phục hồi, phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Trọng tâm là tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội; Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; các Nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XVIII về 04 chương trình kinh tế - xã hội, về phát triển Khu kinh tế Vân Phong giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư; BQL KKT Vân Phong; Sở Xây dựng; Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban Dân tộc	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
B	Các nhiệm vụ, giải pháp tập trung thực hiện				
I	Thực hiện tốt công tác lập và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tạo cơ sở để huy động, quản lý và khai thác tối đa các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế				
1	Hoàn thành phê duyệt và tổ chức triển khai có hiệu quả các Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung khu đô thị mới Cam Lâm đến năm 2045.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; BQL KKT Vân Phong	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo tiến độ thẩm định của Trung ương	Quy hoạch được phê duyệt
2	Hoàn thành phê duyệt quy hoạch Khu du lịch quốc gia Bắc bán đảo Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	Sở Xây dựng	Sở Du lịch, các sở, ngành liên quan; UBND huyện Cam Lâm	Phê duyệt quy hoạch trước tháng 12/2023	Quy hoạch được phê duyệt
3	Phù kín quy hoạch phân khu xây dựng, phân khu đô thị trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.	Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	- Kế hoạch triển khai thực hiện. - Báo cáo định kỳ hàng năm.

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
4	Hoàn thành phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trình Chính phủ trong tháng 4/2023	Kế hoạch được phê duyệt
5	Rà soát, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành phê duyệt điều chỉnh trước tháng 12/2023	Quy hoạch được phê duyệt
6	Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật.	Các Sở quản lý ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
II	Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh				
1	Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, hiệu quả.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
2	Đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số; tăng cường hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên môi trường số; tăng cường giao dịch điện tử trong cung cấp dịch vụ công ích.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
3	Đưa vào hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trung tâm đi vào hoạt động trong tháng 6/2023	- Trung tâm đi vào hoạt động. - Báo cáo định kỳ hàng năm.
4	Tổ chức lại Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp với cơ cấu tổ chức và nhân sự phù hợp, có đủ năng lực triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư theo định hướng phát triển của tỉnh.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trình UBND tỉnh trước ngày 31/3/2023	Quyết định
III	Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp				

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
1	Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025; trong đó tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất trong những ngành quan trọng như du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics, cảng biển, thủy sản và hậu cần nghề cá, công nghệ thông tin.	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
2	Triển khai có hiệu quả Chương trình đổi mới sáng tạo giai đoạn 2020-2025, Chương trình Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2020-2025, Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
IV	Tập trung phát triển các nhóm ngành quan trọng, mang lại giá trị đóng góp cao cho nền kinh tế				
1	Tập trung phát triển các nhóm ngành kinh tế quan trọng:				
<i>a</i>	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo:</i>				
-	Tiếp tục duy trì, nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp hiện có như tàu biển, điện sản xuất, bia, nước yến và nước bổ dưỡng, thủy sản đông lạnh, thuốc lá điếu. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công, sớm hoàn thành các dự án như Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, KCN Ninh Thủy; các CCN như Diên Thọ, Trảng É 2, Ninh Xuân và tiến độ thu hút doanh nghiệp, lấp đầy các Khu, Cụm công nghiệp để bổ sung năng lực tăng thêm.	Sở Công thương; BQL KKT Vân Phong	Các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
-	Đẩy mạnh thu hút các dự án công nghiệp có quy mô lớn, tạo động lực phát triển theo ngành nghề ưu tiên thu hút theo Nghị Quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội như: các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử; dự án nhà máy sản xuất Hydro xanh và pin nhiên liệu mới; dự án tổ hợp hóa dầu Nam Vân Phong,...	BQL KKT Vân Phong; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
<i>b</i>	<i>Xây dựng</i>				
-	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tập trung chỉ đạo đôn đốc, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đặc biệt là các dự án trọng điểm của quốc gia, của tỉnh, các dự án liên kết vùng.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành liên quan; các chủ đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
-	Tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đối với các dự án ngoài ngân sách; đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư xây dựng hoàn thành các dự án nhằm tạo động lực phát triển kinh tế; đồng thời thu hút đầu tư có hiệu quả các dự án mới phù hợp với định hướng phát triển tỉnh Khánh Hòa, đặc biệt các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, các dự án thuộc danh mục trọng điểm kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh và các dự án ưu tiên thu hút vào KKT Vân Phong theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; BQL KKT Vân Phong	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
-	Phê duyệt điều chỉnh và tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành phê duyệt điều chỉnh các Chương trình trước tháng 10/2023	- Chương trình được phê duyệt. - Báo cáo định kỳ hàng năm.
c	<i>Bán buôn, bán lẻ, dịch vụ lưu trú, ăn uống</i>				
-	Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi nhằm kết nối cung cầu; phát triển các kênh phân phối, thúc đẩy phát triển mạnh thị trường trong nước.	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
-	Phát triển hệ thống các Trung tâm thương mại, Siêu thị; chú trọng nâng cấp và mở rộng mạng lưới chợ bán lẻ tại khu vực nông thôn.	Sở Công thương	Các Sở, ngành liên quan; các chủ đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
-	Đầu tư hạ tầng đô thị, du lịch hiện đại, bảo đảm tính kết nối; tập trung thu hút đầu tư các dự án kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp như: Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp đảo Hòn Lớn, Vạn Ninh; Nhóm các dự án Khu đô thị dịch vụ, du lịch cao cấp Tuần Lễ - Hòn Ngang, Vạn Ninh; Khu đô thị mới huyện Cam Lâm;...	Sở Kế hoạch và Đầu tư; BQL KKT Vân Phong	Sở Xây dựng; Sở Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
d	<i>Thông tin và truyền thông</i>				
-	Tiếp tục duy trì năng lực hiện có; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm phát triển kinh tế số, xã hội số. Thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng công nghệ số. Ưu tiên chuyển đổi số trong các lĩnh vực: du lịch, dịch vụ, y tế, giáo dục đào tạo và nghề nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
-	Phê duyệt và triển khai các đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh tại các địa phương: Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa, Cam Lâm.	UBND thành phố Nha Trang; UBND thành phố Cam Ranh; UBND thị xã Ninh Hoà; UBND huyện Cam Lâm	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ngành liên quan	Phê duyệt các Đề án trong Quý I/2023	Đề án được phê duyệt
e	<i>Khoa học và công nghệ</i>				
-	Phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là trong các lĩnh vực: Hải dương học, công nghệ đại dương, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vaccine và sinh phẩm y tế, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ du lịch.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
-	Thành lập trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; các bộ, ngành TW và các sở, ngành, đơn vị liên quan	Phê duyệt Đề án trong tháng 6/2023	Đề án được phê duyệt
-	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa và Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan; UBND thành phố Nha Trang; UBND huyện Diên Khánh	Các dự án hoàn thành trong năm 2024	Báo cáo định kỳ hàng năm
f	<i>Vận tải, kho bãi:</i>				
-	Phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách theo hướng hiện đại; thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ, giảm chi phí vận tải, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức; chủ động hội nhập, hợp tác phát triển năng lực vận tải quốc tế, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu; đẩy nhanh tiến độ phát triển vận tải hành khách công cộng trong đô thị. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động quản trị và cung ứng dịch vụ vận tải.	Sở Giao thông Vận tải	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
-	Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Khánh Hòa, tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, đồng bộ, hiện đại, có khả năng liên kết thuận lợi các phương thức vận tải, đảm bảo thông suốt từ Trung ương tới địa phương, trong đó ưu tiên tập trung phát triển hệ thống giao thông đối ngoại để kết nối với các địa phương lân cận, các trung tâm kinh tế lớn. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án giao thông trọng điểm quốc gia, trọng điểm của tỉnh:	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
+	Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng để phục vụ thi công Dự án đường bộ cao tốc Vân Phong - Nha Trang và cao tốc Khánh Hòa- Buôn Ma Thuột.	Sở Giao thông Vận tải	Các chủ đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	Báo cáo định kỳ hàng năm
+	Hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm của tỉnh: Nút giao thông Ngọc Hội, Các tuyến đường, nút giao thông kết nối sân bay Nha Trang, Đường Tỉnh lộ 3, Đường D30.	Sở Giao thông Vận tải	Các chủ đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành trong năm 2023	Báo cáo định kỳ hàng năm
-	Tiếp tục khai thác có hiệu quả Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, các cảng hàng hóa, kho bãi hiện có; đồng thời thu hút các dự án đầu tư về cảng biển, logistic để bổ sung năng lực tăng thêm như: Cảng biển du lịch quốc tế tại KKT Vân Phong; Cảng tổng hợp Nam Vân Phong; Khu dịch vụ hậu cần cảng Nam Vân Phong;...	Sở Giao thông Vận tải; BQL KKT Vân Phong	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
g	<i>Giáo dục và đào tạo</i>				
-	Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục của các Trường Đại học Nha Trang, Trường Đại học Khánh Hòa, gắn kết chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học khác trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hợp tác, xây dựng, phát triển quan hệ đối tác với các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu, giáo dục trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao cho các nhóm ngành như: công nghệ thông tin, vận tải, logistics.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
h	<i>Nghệ thuật, vui chơi, giải trí</i>				
-	Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh một cách bền vững, tập trung vào những ngành có lợi thế, tiềm năng như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, thủ công mỹ nghệ, du lịch văn hóa. Quan tâm đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao như Trung tâm văn hoá, bảo tàng, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật; Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh; Khu liên hợp thể thao tỉnh,...	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Du lịch; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm

Số TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp	Tiến độ thực hiện	Kết quả/sản phẩm
3	Xây dựng Quy chế phối hợp giữa tỉnh Khánh Hòa và Quân chủng Hải quân trong việc cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến huyện Trường Sa để tổng hợp, phục vụ việc tính toán chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đảm bảo chính xác và toàn diện.	Cục Thống kê	Quân chủng Hải quân; các sở, ngành liên quan; UBND huyện Trường Sa	Quy chế ban hành trong tháng 3/2023	Quy chế được ban hành
4	Tính toán các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế đảm bảo tính kịp thời và chính xác nhằm phục vụ công tác điều hành phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát số liệu một cách đầy đủ, toàn diện, bao gồm đối với khu vực huyện đảo Trường Sa và các khu vực kinh tế phi chính thức nhằm phản ánh đúng năng lực sản xuất của nền kinh tế.	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ngành liên quan	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm
VI	Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước và quốc tế.				
1	Chủ động lập và triển khai các chương trình, kế hoạch liên kết, hợp tác với các địa phương khác trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong nước, nhất là về du lịch (kết nối tuyến điểm du lịch, sản phẩm du lịch liên vùng mang tính cạnh tranh cao...), thủy sản (cung cấp giống thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá), vận tải, logistics (tiếp nhận và phân phối hàng hóa, máy móc, nguyên vật liệu), đào tạo (đào tạo nhân lực các ngành kinh tế biển), y tế (cung cấp các dịch vụ y tế chuyên sâu), công nghiệp chế biến, chế tạo (kết nối vùng nguyên liệu, xúc tiến thu hút các dự án đầu tư).	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Du lịch; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; Sở Giao thông Vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm
2.	Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các địa phương khác, đối tác nước ngoài trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế. Tích cực đăng cai các sự kiện, hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế tại tỉnh; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, quảng bá hình ảnh Khánh Hòa tới bạn bè quốc tế.	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Báo cáo định kỳ hàng năm

PHỤ LỤC 4
DỰ KIẾN NĂNG LỰC TĂNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH KINH TẾ QUAN TRỌNG, ĐÓNG GÓP VÀO TĂNG TRƯỞNG GRDP CỦA TỈNH
GIẢI ĐOẠN 2023-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
I	Lĩnh vực công nghiệp							
1	Dự án Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong 1	Tập đoàn Sumitomo	Ninh Phước, Ninh Hòa	2019-2023	Thiết kế, xây dựng, vận hành và chuyển giao nhà máy nhiệt điện đốt than với công suất tinh 1.320MW	60.000	2 tổ máy x 660MW mỗi tổ máy	Dự kiến vận hành năm 2023
2	Dự án Nhà máy thủy điện Sông Giang 1	Công ty cổ phần khai thác thủy điện Sông Giang	Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh	Dự kiến vận hành năm 2024	Thiết kế, xây dựng và vận hành Nhà máy thủy điện Sông Giang công suất 12MW	797	2 tổ máy x 6MW mỗi tổ máy	
3	Dự án KCN Dốc Đá Trắng	Đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương	Ninh Thọ, Ninh Hòa và Vạn Hưng, Vạn Ninh	2024-2025	288 ha	1.800	Dự kiến vận hành năm 2025 vận hành giai đoạn 1 khoảng 100 ha	
4	Dự án KCN Nam Cam Ranh	Đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương	Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	2023-2029	350 ha	5.000	Dự kiến vận hành giai đoạn 1 năm 2025 khoảng 98 ha	
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Ninh Xuân	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thương mại Công nghiệp King Han	Xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật CCN với diện tích 50 ha	340,7	50 ha	
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Diên Thọ	Công ty TNHH B.J Korea	Xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh	2023-2025	Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật CCN với diện tích 18,97 ha	130,5	18,97 ha	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
7	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN Trảng É 2	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khatoco	Xã Suối Tân và xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Dự kiến hoàn thành trước 31/12/2023	Đầu tư xây dựng mới và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật CCN với diện tích 44,68 ha	215,0	44,68 ha	
8	Dự án Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hoà	Công ty CP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	CCN Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh	Dự kiến hoàn thành trong tháng 04/2025	Xây dựng nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa công suất 120-140 triệu sản phẩm/năm	220,0	120-140 triệu sản phẩm/năm	
9	Dự án Nhà máy chế biến đặc sản yến sào	Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	CCN Diên Phú - VCN, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	Hoàn thành trước 12/2022	Xây dựng nhà máy sản xuất và cung ứng nguyên liệu yến sào, sản phẩm nước yến, các sản phẩm làm đẹp từ yến sào công suất 1.000.000 sản phẩm/năm	30,0	1.000.000 sản phẩm/năm	
10	Dự án Nhà máy cơ khí Năng ban mai	Công ty CP Đầu tư Năng Ban Mai	CCN Trảng É 1, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Hoàn thành trước 31/12/2022	Xây dựng nhà máy gia công thép hình các loại, cấu kiện thép, nhôm công suất 3.774 tấn/năm	79,8	3.774 tấn/năm	
11	Dự án Nhà máy sản xuất đùn thép nhôm và sơn tĩnh điện	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Công. Thành	CCN Trảng É 1, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Dự kiến hoàn thành trước ngày 31/12/2022	Xây dựng nhà máy sản xuất đùn thép nhôm và sơn tĩnh điện công suất khoảng 3.774 tấn/năm	90,0	3.774 tấn/năm	
12	Dự án Phân xưởng sản xuất cơ khí Khatoco	Công ty CP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Khatoco	CCN Diên Phú - VCN, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	Hoàn thành trước 6/2023	Xây dựng nhà xưởng sản xuất cơ khí với diện tích 8.322,92m ²	23,1	8.322,92m ²	
13	Dự án Nhà máy sản xuất nội thất và nhà kho VStar	Công ty TNHH Thương mại V-star	CCN Trảng É 1, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Hoàn thành trước 31/12/2022	Xây dựng nhà máy sản xuất nội thất và nhà kho chứa các thiết bị máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông với diện tích 21.324 m ²	81,8	21.324 m ²	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
14	Nhà máy sản xuất nông sản và thủy sản	Công ty TNHH Đồ hộp Hải Vương	KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	12/2021 - 12/2023	- Giai đoạn 1: Kho lạnh: 9.000 tấn; - Giai đoạn 2: Chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp, thủy sản, đồ hộp công suất 19.500 tấn thành phẩm/năm	600	19.500 tấn thành phẩm/năm	
15	Nhà máy sản xuất phụ kiện bao bì	Công ty TNHH NHT	KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	02/2023 - 03/2024	150.000.000 sản phẩm/năm	80	150.000.000 sản phẩm/năm	
16	Nhà máy cơ khí Shin Woo Tech	Công ty TNHH Shin Woo Tech	Lô B12 KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	Dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023	950 tấn thành phẩm/ năm	9,9	950 tấn thành phẩm/ năm	Công ty đang hoàn thành các thủ tục nghiệm thu xây dựng
17	Nhà máy in bao bì ADCOM	Công ty CP Dịch vụ văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa	Lô G8 KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	Dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023	Công suất 21.000 tấn/năm	30	21.000 tấn/năm	Công ty đang hoàn tất thủ tục nghiệm thu xây dựng
18	Nhà máy nhựa Khánh Hòa	Công ty TNHH Nhựa Khánh Hòa	Lô N12 KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	Dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023	Công suất 4.000 tấn sản phẩm/năm	32,7	4.000 tấn sản phẩm/năm	Công ty đang làm thủ tục nghiệm thu xây dựng
19	Nhà máy chế biến thực phẩm Il Shin	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Il Shin	KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	Dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023	1.500 tấn thành phẩm/năm	12	1.500 tấn thành phẩm/năm	Công ty đang làm thủ tục nghiệm thu xây dựng
20	Nhà máy chế biến thực phẩm Hải Sơn	Công ty TNHH Thực phẩm Hải Sơn	Lô D2, D3 KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	Dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023	4.950 tấn sản phẩm/năm	40	4.950 tấn sản phẩm/năm	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
21	Nhà máy sản xuất fucoidan theo chuẩn GMP	Công ty TNHH Fucoidan Việt Nam	Lô J7 KCN Suối Dầu, Cam Lâm, Khánh Hòa	Dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023	3.000 kg/năm	14	3.000 kg/năm	
II	Lĩnh vực phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch							
1	Khu đô thị Ven vịnh Cam Ranh		Thành phố Cam Ranh	2021-2026	1.151ha	42.000	1.151ha	
2	Khu đô thị mới huyện Cam Lâm		Huyện Cam Lâm	2023-2027	17.000ha	17.000	17.000ha	
3	Dự án Khu du lịch sinh thái biển Hòn Ngang - Bãi Cát Thắm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch T&M Vân Phong	Bán đảo Hòn Gốm, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	Tổ hợp khu du lịch sinh thái biển với quy mô đến 1.800 phòng.	3.742	Khu A, diện tích: 132 ha	
III	Lĩnh vực giao thông, vận tải, logistic							
1	Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang	Ban QLDA 7	Huyện Vạn Ninh, thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh, huyện Khánh Vĩnh	2022-2026	Chiều dài 84Km; quy mô 6 làn xe hoàn chỉnh, Bn = 32,25m, Vtk = 100-120km/h (TCVN 5729-2012)	11.808	84Km đường cao tốc	
2	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	Ban QLDA đầu tư và xây dựng các CTGT tỉnh Khánh Hòa	Thị xã Ninh Hoà	2022-2026	Chiều dài 32Km; quy mô 4 làn xe	5.632	32Km đường cao tốc	
3	Đường liên vùng kết nối Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, từ Yangbay - Tà Gụ kết nối với Quốc lộ 27C và đường tỉnh ĐT.707, xã Phước Thành, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận		Huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh	2022-2027	Chiều dài 56,9Km. Bề rộng nền đường 9,0m, phần mặt đường xe chạy (2 x 3,0m) = 6,0m, lề gia cố (2 x 1,0m) = 2,0m, lề đất (2 x 0,5m) = 1,0m	1.930	56,9Km đường giao thông	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
4	Đường liên vùng huyện Diên Khánh		Nha Trang, Diên Khánh	2023-2027	Chiều dài 19,1Km; mặt đường rộng 19m (đối với đoạn ngoài khu dân cư: mặt đường 04 làn xe, dải phân cách giữa, lề đất 2 bên) và 26m (đối với đoạn qua khu dân cư: mặt đường 04 làn xe, dải phân cách giữa, vỉa hè 02 bên)	1.468	19,1Km đường giao thông	
5	Dự án Kho hàng Monis	Công ty TNHH Monis	CCN Diên Phú - VCN, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	Đưa vào vận hành khai thác: Năm 2024	Xây dựng kho hàng với diện tích 3.550,5 m ²	14,5	3.550,5 m ²	
6	Dự án Nhà kho Toàn Gia	Công ty TNHH Toàn Gia	CCN Diên Phú - VCN, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	Đưa vào vận hành khai thác trước tháng 6/2023	Đầu tư xây dựng nhà kho chứa vật tư, sản phẩm bán thành phẩm và thành phẩm sản xuất từ kim loại phục vụ cho ngành công nghiệp phụ trợ với diện tích 6.107,56 m ²	14,9	6.107,56 m ²	
7	Nhà xưởng - Kho logistics Thanh Lê	Công ty Cổ phần Logistic Thanh Lê	KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa, Khánh Hòa,	Dự kiến vận hành năm 2023	4 nhà xưởng kết hợp kho logistic lưu giữ hàng hóa	100,0	16.608 m ²	
IV	Lĩnh vực khoa học và công nghệ							
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Nha Trang	2016-2024	Đầu tư các hạng mục: Khối hành chính, khối công nghiệp ứng dụng, khối công nghệ sinh học, khối đào tạo và chuyển giao công nghệ, các hạng mục phụ trợ và thiết bị. Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 9.275m ² .	137		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Diên Khánh	2019-2024	Công trình có diện tích xây dựng 1.142m ² ; gồm các hạng mục: Khối hành chính, khối kỹ thuật - nghiệp vụ, các hạng mục phụ trợ, thiết bị, đào tạo	98		
V	Lĩnh vực công nghệ thông tin							
1	Dự án Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa (IOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, địa phương	2022-2024	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các phần mềm nội bộ, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động của Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa. - Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm thương mại phục vụ vận hành hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu. 	55,4	Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa bảo đảm cho việc kết nối, tích hợp thu thập, chuẩn hóa, phân tích, xử lý các nguồn thông tin, dữ liệu từ đó đưa ra các báo cáo, thống kê trực tuyến, kịp thời, chính xác, phục vụ cho việc giám sát, điều hành, ra quyết định của các cấp lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý nhà nước; cung cấp các ứng dụng, dịch vụ số cơ bản, hữu ích cho người dân, doanh nghiệp	
2	Dự án Xây dựng Nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ công nghệ thông tin (LGSP) tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm dữ liệu tỉnh	2022-2023	Xây dựng Nền tảng tích hợp ứng dụng và dịch vụ công nghệ thông tin (LGSP) tỉnh Khánh Hòa nhằm cung cấp giải pháp tổng thể tích hợp liên thông các dạng dữ liệu điện tử khác nhau.	14,9	Nền tảng chia sẻ, tích hợp là nơi lưu trữ các ứng dụng, dịch vụ chia sẻ, dùng chung cho cả tỉnh và cũng bao gồm các dịch vụ để tích hợp, kết nối các ứng dụng, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) trong phạm vi toàn tỉnh; kết nối tới các hệ thống bên ngoài như nền tảng chia sẻ, tích hợp của các Bộ, ngành; các HTTT/CSDL quốc gia;...	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
3	Dự án Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm dữ liệu tỉnh	2023-2024	- Mua sắm, cung cấp, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thương mại phục vụ triển khai và quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Kho dữ liệu. - Xây dựng Kho dữ liệu.	30,0	Xây dựng nền tảng dùng chung phục vụ hoạt động chuyển đổi số của tỉnh, nhằm tạo ra không gian số, phục vụ yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng đô thị thông minh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	
4	Dự án Đầu tư bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm dữ liệu tỉnh	2022-2023	Cung cấp, lắp đặt các trang thiết bị công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và cài đặt dịch vụ trên thiết bị CNTT	20,5	Bảo đảm cung cấp đủ hạ tầng CNTT cho việc kết nối, tích hợp giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các hệ thống thông tin của tỉnh	
VI	Lĩnh vực giáo dục, y tế							
1	Dự án Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	Nha Trang	2016-2023	200 giường bệnh	560,9	200 giường bệnh	
2	Dự án Bệnh viện đa khoa thành phố Nha Trang	Sở Y tế	Nha Trang	2019-2023	200 giường bệnh	355,3	200 giường bệnh	
3	Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa (mở rộng 50 giường)	Sở Y tế	Ninh Hoà	2021-2024	50 giường bệnh	87,7	50 giường bệnh	
4	Dự án đầu tư Trung tâm y tế thị xã Ninh Hòa và Trung tâm huyện y tế Vạn Ninh	Sở Y tế	Ninh Hoà, Vạn Ninh	2022-2023	100 giường bệnh	170,0	100 giường bệnh	
5	Dự án Bệnh viện đa khoa Quốc tế chất lượng cao		Khu đô thị Mỹ Gia, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	2022-2025	300 giường bệnh	1.000	300 giường bệnh	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Năng lực tăng thêm sau khi công trình hoàn thành	Ghi chú
6	Dự án Trường tiểu học, trung học quốc tế Vĩnh Thái		Khu đô thị Mỹ Gia, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	2022-2025	Đáp ứng nhu cầu học tập cho khoảng 3.000 học sinh mỗi năm	450	Đáp ứng nhu cầu học tập cho khoảng 3.000 học sinh mỗi năm	

PHỤ LỤC 5**DANH MỤC DỰ KIẾN DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM KÊU GỌI ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	TÊN DỰ ÁN	NGÀNH/ LĨNH VỰC	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	Ghi chú
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ							
1	Khu đô thị Ven vịnh Cam Ranh	Phát triển đô thị	Thành phố Cam Ranh	1.151	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	42.000	
2	Khu đô thị sinh thái - nghỉ dưỡng Đầm Nha Phu - xã Ninh Ích	Quy hoạch và Phát triển đô thị	Xã Ninh Ích và Ninh Phú thị xã Ninh Hòa	9.000 (bao gồm mặt nước)	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	
3	Dự án khu đô thị dọc hai bên bờ Sông Cái Nha Trang	Quy hoạch và Phát triển đô thị	Thành phố Nha Trang (700ha) và huyện Diên Khánh (300ha)	1.000	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	
4	Dự án phát triển vùng đệm phía Tây Nam Khu kinh tế Vân Phong	Quy hoạch và Phát triển đô thị	Thị xã Ninh Hòa- huyện Vạn Ninh	34.600	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	
5	Khu đô thị sinh thái Diên Khánh - Khánh Vĩnh	Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	Xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh - xã Sông Cầu huyện Khánh Vĩnh	350 ha	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	170.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	NGÀNH/ LĨNH VỰC	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	Ghi chú
6	Khu đô thị mới huyện Cam Lâm	Quy hoạch và Phát triển đô thị	Huyện Cam Lâm	17.000	Phát triển Khu đô thị mới; Khu vui chơi, giải trí đẳng cấp quốc tế	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP							
7	Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng	Hạ tầng KCN	Xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	288	Hạ tầng Khu công nghiệp	1.807	Hiện nay đang trình Bộ KHĐT thẩm định
8	Khu công nghiệp Nam Cam Ranh	Hạ tầng KCN	Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	350 ha	Hạ tầng Khu công nghiệp	5.000	
9	Khu công nghiệp Vạn Lương	Hạ tầng KCN	Xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	200	hạ tầng KCN công nghệ cao	2.000	
10	Khu công nghiệp Ninh Thọ	Hạ tầng KCN	Xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	370	Khu công nghiệp- đô thị- dịch vụ/ngành công nghiệp điện tử - tin học, cơ khí chế tạo, sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho CN công nghệ cao, CN hỗ trợ, CN thực phẩm, CN sản xuất VLXD	3.700	
11	Khu công nghiệp Ninh Diêm 1	Hạ tầng KCN	Xã Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	250	Khu công nghiệp- đô thị- dịch vụ/ngành công nghiệp điện tử - tin học, cơ khí chế tạo, sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho CN công nghệ cao, CN hỗ trợ, CN thực phẩm, CN sản xuất VLXD	2.500	

STT	TÊN DỰ ÁN	NGÀNH/ LĨNH VỰC	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	Ghi chú
12	Khu công nghiệp Ninh Diêm 2	Hạ tầng KCN	Xã Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	215	Khu công nghiệp- đô thị- dịch vụ/ngành công nghiệp điện tử - tin học, cơ khí chế tạo, sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho CN công nghệ cao,CN hỗ trợ, CN thực phẩm, CN sản xuất VLXD	2.150	
13	Khu công nghiệp Ninh Diêm 3	Hạ tầng KCN	Xã Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	290	Khu công nghiệp- đô thị- dịch vụ/ngành công nghiệp điện tử - tin học, cơ khí chế tạo, sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho CN công nghệ cao,CN hỗ trợ, CN thực phẩm, CN sản xuất VLXD	2.900	
14	Khu công nghiệp Xuân Sơn	Hạ tầng KCN	xã Xuân Sơn và Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	200	KCN chuyên ngành hoặc KCN hỗ trợ, công nghiệp sạch.	2.000	
15	Khu công nghiệp Ninh Sơn	Hạ tầng KCN	Thôn 1, Thôn 2, thôn 5, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh	670	KCN tiếp nhận ngành nghề công nghiệp sạch	6.700	
16	Khu công nghiệp Ninh Xuân (chia làm 4 KCN: Ninh Xuân 1, Ninh Xuân 2, Ninh Xuân 3, Ninh Xuân 4)	Hạ tầng KCN	xã Ninh Sim, xã Ninh Xuân, xã Ninh Tây thị xã Ninh Hòa	1.000	KCN tổng hợp hoặc KCN hỗ trợ	10.000	
LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA - HẠ TẦNG - GIAO THÔNG - KHOA HỌC CÔNG NGHỆ							
17	Trường tiểu học, trung học quốc tế Vĩnh Thái	Giáo dục	Khu đô thị Mỹ Gia, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	5,4	Theo quy hoạch chi tiết 1/500	450	
18	Bệnh viện đa khoa Quốc tế chất lượng cao	Y tế	Khu đô thị Mỹ Gia, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	2,31	Theo quy hoạch chi tiết 1/500	1.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	NGÀNH/ LĨNH VỰC	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	Ghi chú
19	Khu đô thị - Trung tâm thương mại Cồn Ngọc Thảo và Khu biểu diễn nghệ thuật Cồn Nhất Trí	TMDV	Thành phố Nha Trang	60ha (xây dựng bờ kè Cồn Nhất trí với chiều dài khoảng 2,000m2 và Xây dựng công viên với diện tích 1.700 m2)	Xây dựng Khu đô thị mới Cồn Ngọc Thảo, Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ: xây dựng kè với chiều dài 3.600m; hoàn chỉnh hạ tầng giao thông các trục chính; kết hợp hệ thống thoát nước.v.v.	Theo đề xuất của Nhà đầu tư	
20	Trung tâm văn hoá, bảo tàng, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật	Văn hóa	Sân bay Nha Trang cũ	3	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa thành một trung tâm hiện đại và khoa học; Làm nơi biểu diễn nghệ thuật, là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa lớn của tỉnh	1.650	

PHỤ LỤC 6

DANH MỤC DỰ KIẾN DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KHU KINH TẾ VÂN PHONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 (THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2022/QH15 CỦA QUỐC HỘI)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
I. Nhóm dự án Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, công nghệ sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên.								
1	Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D)	Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D)	xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	140	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 13 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu công nghiệp sạch tập trung, công nghiệp xanh, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất.	3.000	
2	Trung tâm công nghệ thông tin	Đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao và phát triển công nghệ thông tin	xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	10		thuộc một phần phân khu 13 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	1.500	
II. Nhóm dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại, tài chính có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên.								

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
3	Trung tâm thương mại, tài chính Đầm Môn	Xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại, tài chính kết hợp với dịch vụ tổng hợp cao cấp.	Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	10	350 ha	thuộc một phần phân khu 3 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là trung tâm cảng biển, đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, thương mại, vui chơi giải trí, du lịch tâm linh, công viên chuyên đề, sân golf cao cấp.	15.000	
III. Nhóm dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị với quy mô diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp và vui chơi giải trí tổng hợp có sân gôn (golf) có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;								
4	Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp đảo Hòn Lớn	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu resort, khu du lịch, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí, sân golf, dịch vụ tổng hợp; dân cư đa chức năng, cao cấp, đẳng cấp quốc tế.	Đảo Hòn Lớn, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	4.800 ha (trong đó: diện tích đất xây dựng dự án là 2.300 ha)	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 1 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, công viên chuyên đề, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, sân golf cao cấp.	99.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
5	Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp núi Khải Lương	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu resort, khu du lịch, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí, sân golf, dịch vụ tổng hợp, dân cư đa chức năng, cao cấp, đẳng cấp quốc tế.	Núi Khải Lương, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	670	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 2 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển du lịch sinh thái cao cấp trên núi và ven biển kết hợp các hoạt động tham quan, du lịch trải nghiệm, du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí có thưởng.	30.000	
6	Nhóm các dự án Khu đô thị đa năng cao cấp Đầm Môn	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị, khách sạn, trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ tổng hợp cao cấp, thông minh, đẳng cấp quốc tế.	thôn Đầm Môn, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	1.000	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 3 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là trung tâm cảng biển, đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, thương mại, vui chơi giải trí, du lịch tâm linh, công viên chuyên đề, sân golf cao cấp.	60.000	các dự án cụ thể được xác định sau khi quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
7	Khu hỗn hợp dịch vụ, du lịch cao cấp Hồ Na-Cột Buồm - Mũi Đồi	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu resort, khách sạn, du lịch, nghỉ dưỡng, dịch vụ tổng hợp, đô thị đa chức năng cao cấp, đẳng cấp quốc tế.	thôn Đầm Môn, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	640	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 2 và phân khu 3 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển du lịch sinh thái cao cấp trên núi và ven biển kết hợp các hoạt động tham quan, du lịch trải nghiệm, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch tâm linh, công viên chuyên đề, đô thị.	35.000	
8	Khu đô thị đa năng cao cấp Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị; xây dựng khu đô thị ven biển, cao cấp, thông minh, đẳng cấp quốc tế.	thôn Vĩnh Yên xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	330	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 4 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển khu du lịch sinh thái ven biển cao cấp, bến du thuyền, khu đô thị dân cư kết hợp dịch vụ du lịch, ẩm thực địa phương.	20.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
9	Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng cao cấp Mũi Đá Sơn	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu resort, khu du lịch, nghỉ dưỡng ven biển cao cấp, đẳng cấp quốc tế.	thôn Vĩnh Yên xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	480	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 3 và phân khu 4 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng ven biển cao cấp, bến du thuyền, khu đô thị dân cư kết hợp dịch vụ du lịch, ẩm thực địa phương.	25.000	
10	Nhóm các dự án Khu đô thị dịch vụ, du lịch cao cấp Tuần Lễ - Hòn Ngang	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu resort, khu du lịch, thể thao, nghỉ dưỡng ven biển, dân cư đa chức năng, trung tâm dịch vụ - giải trí cao cấp, đẳng cấp quốc tế.	thôn Tuần Lễ, xã Vạn Thọ và thôn Vĩnh Yên xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	1.300	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 4 và phân khu 5 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển trung tâm thể thao quốc tế, khu vui chơi, giải trí, thương mại, du lịch nghỉ dưỡng ven biển, đô thị, sân golf cao cấp và công viên chuyên đề.	78.000	các dự án cụ thể được xác định sau khi quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
11	Khu du lịch sinh thái núi cao cấp Sơn Tập	Xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu resort, du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng cao cấp, đẳng cấp quốc tế.	xã Đại Lãnh, Vạn Thọ, Vạn Phước, huyện Vạn Ninh	430		thuộc một phần của phân khu 7, phân khu 9 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu vực phát triển dịch vụ du lịch sinh thái núi, khu bảo tồn các giá trị cảnh quan sinh thái rừng, không gian du lịch sinh thái tự nhiên vùng núi Sơn Tập.	26.500	
12	Khu du lịch cao cấp Đảo Điệp Sơn	Xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu resort, du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng cao cấp, đẳng cấp quốc tế kết hợp bảo tồn phát huy cảnh quan độc đáo của khu vực	thôn Điệp Sơn, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	430	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 5, phân khu 6 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là phát triển khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng kết hợp bảo tồn phát huy cảnh quan độc đáo của khu vực.	25.500	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
13	Nhóm các dự án Khu đô thị đa năng Cổ Mã - Tu Bông	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị đa chức năng cao cấp, dân cư đa chức năng, thương mại, dịch vụ tổng hợp, trung tâm hội nghị hội thảo,...	các xã Vạn Thọ, Vạn Phước, huyện Vạn Ninh	4.900	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 8 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu đô thị sân bay đa chức năng cao cấp, thương mại dịch vụ, cảng hàng không, bến thủy phi cơ, tổ chức hội nghị hội thảo, du lịch, công viên chuyên đề, du lịch cộng đồng.	290.000	các dự án cụ thể được xác định sau khi quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt
14	Khu đô thị Đông Bắc Ninh Hòa 1	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dịch vụ đô thị và dân cư	xã Ninh Thọ, xã Ninh An, và phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa	380	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 13, phân khu 14, phân khu 16 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu dịch vụ đô thị và dân cư hiện đại.	26.600	
15	Khu đô thị Đông Bắc Ninh Hòa 2	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dịch vụ đô thị và dân cư	xã Ninh Thọ và xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa	300		thuộc một phần phân khu 16 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu dịch vụ đô thị và dân cư hiện đại.	19.500	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
16	Khu đô thị đa năng Ninh Hải	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị biển cao cấp đa chức năng, dịch vụ tổng hợp, du lịch trung và cao cấp, trung tâm dịch vụ lưu trú,....	phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa	300	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 14 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là Khu đô thị biển, dịch vụ du lịch trung và cao cấp, trung tâm dịch vụ, lưu trú phía đông của thị xã Ninh Hoà.	21.000	
17	Dự án công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác 2	Đầu tư xây dựng nhà máy công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác	KCN Ninh Thọ (370ha), xã Ninh Thọ, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa	50		thuộc một phần phân khu 17 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	6.800	
18	Nhà máy lọc dầu Nam Vân Phong	Đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu	thôn Ninh Yên và Mỹ Giang, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	200	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu cảng tổng hợp quốc tế; công nghiệp và năng lượng, khu hậu cần cảng và dịch vụ liên quan đến cảng.	100.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
19	Tổ hợp hóa dầu Nam Vân Phong 1	Đầu tư xây dựng dự án Tổ hợp hóa dầu	thôn Ninh Yên, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	100		thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu cảng tổng hợp quốc tế; công nghiệp và năng lượng, khu hậu cần cảng và dịch vụ liên quan đến cảng.	60.000	
20	Tổ hợp hóa dầu Nam Vân Phong 2	Đầu tư xây dựng dự án Tổ hợp hóa dầu	thôn Ninh Tịnh, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	100		thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được định hướng quy hoạch là khu cảng tổng hợp quốc tế; công nghiệp và năng lượng, khu hậu cần cảng và dịch vụ liên quan đến cảng.	60.000	
21	Nhà máy sản xuất Hydro xanh và pin nhiên liệu mới	sản xuất hydro và pin nhiên liệu mới	thôn Ninh Tịnh, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	70		thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	48.000	
22	Khu dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe công nghệ cao	tại Khu đô thị cao cấp Cỏ Mã - Tu Bông	10		thuộc một phần phân khu 8 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	8.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
V. Nhóm dự án Xây dựng và kinh doanh sân bay, đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt, dịch vụ logistics, dịch vụ hậu cần cảng biển, bến cảng, khu bến cảng, cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I;								
23	Cảng biển du lịch quốc tế.	Đầu tư xây dựng và kinh doanh Cảng biển hành khách, du lịch quốc tế, dịch vụ hậu cần cảng biển;	Thôn Đầm Môn, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	30	phần diện tích mặt nước sẽ xác định tại quy hoạch phân khu xây dựng	thuộc một phần phân khu 3 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	3.000	
24	Sân bay dân dụng phục vụ charter	Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân bay dân dụng phục vụ charter,...	xã Vạn Thắng và Vạn Khánh huyện Vạn Ninh	500		thuộc một phần phân khu 8 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	10.000	
25	Cảng kho khí hóa lỏng Nam Vân Phong	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu bến Cảng biển thuộc cảng biển loại 1, tiếp nhận và vận chuyển hàng lỏng, khí hóa lỏng quốc tế, dịch vụ dầu khí, năng lượng, kho khí.	thôn Ninh Tịnh, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	200		thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	22.000	
26	Cảng tổng hợp Nam Vân Phong	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu bến Cảng biển thuộc cảng biển loại 1, tiếp nhận và vận chuyển hàng tổng hợp, hàng rời, container quốc tế.	thôn Ninh Tịnh, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	480		thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	45.000	

STT	TÊN DỰ ÁN	MỤC TIÊU	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (ha)		QUY HOẠCH	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ (tỷ đồng)	GHI CHÚ
				mặt đất	mặt nước			
27	Khu dịch vụ hậu cần cảng Nam Vân Phong	Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ logistics.	thôn Ninh Tĩnh, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	500		thuộc một phần phân khu 19 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	10.000	
VI. Nhóm dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.								
28	Khu phi thuế quan	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	170		thuộc phân khu 3 của Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	6.000	

* **Ghi chú:** hiện nay, Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; và quy hoạch phân khu các khu chức năng trong Khu kinh tế chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nên các thông tin về số lượng, diện tích, tổng vốn đầu tư của dự án có thể thay đổi sau khi các quy hoạch trên được phê duyệt. Sau khi các quy hoạch trên được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh mục dự án sẽ được rà soát và hoàn thiện lại để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.